Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS - HNX)

Báo cáo nhanh

Ngày 04/11/2023

Mua vào
Giá mục tiêu: VNĐ50,000
Tiềm năng tăng/giảm: 34.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (27/10/2023)	37,100
Mã Bloomberg	PVS VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,667-39,947
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	36,938
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	17,733
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	721
Slg CP lưu hành (tr.đv)	478
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	234
Slg CP NN được mua (tr.đv)	186
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	10.0%
Tỷ lệ freefloat	48.6%
Cổ đông lớn	I - VN - overwrite nam (51.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

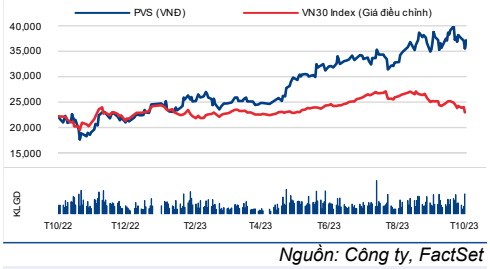

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
DT thuần (tỷ đồng)	16,373	17,492	31,091
EBITDA đc (tỷ đồng)	525	830	1,417
LNTT (tỷ đồng)	1,174	1,284	1,777
LNT ĐC (tỷ đồng)	884	932	1,289
FCF (tỷ đồng)	980	110	(239)
EPS ĐC (đồng)	1,849	1,949	2,698
DPS (đồng)	1,000	1,500	2,000
BVPS (đồng)	25,564	26,513	27,710
T.trưởng EBITDA (%)	95.5	58.1	70.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	47.0	5.42	38.4
Tăng trưởng DPS (%)	(13.7)	50.0	33.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.21	4.75	4.56
Tỷ suất LNTT (%)	7.17	7.34	5.72
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.40	5.33	4.15
Tỷ lệ LN trả CT (%)	54.1	77.0	74.1
Nợ thuần/VCSH (%)	(30.6)	(38.7)	(22.2)
ROAE (%)	7.36	7.49	9.95
ROACE (%)	0.04	1.16	3.25
EV/doanh thu (lần)	0.85	0.73	0.47
EV/EBITDA ĐC (lần)	26.4	15.3	10.3
P/E ĐC (lần)	20.1	19.0	13.8
P/B (lần)	1.45	1.40	1.34
Lợi suất cổ tức (%)	2.70	4.04	5.39

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

PVS là doanh nghiệp dịch vụ năng lượng hàng đầu tại Việt Nam, với thị phần chính trong mảng xây dựng EPCI & FPSO/FSO. Công ty cũng đang tham gia mảng năng lượng tái tạo với vai trò nhà thầu cho các dự án điện ngoài khơi.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Vinh, CFA
Chuyên Viên , Ngành Năng Lượng
vinh.n@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 107

Trương Thu Mỹ
Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
my.tt@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4806

KQKD Q3 không thực sự tích cực, dự án Lô B trở thành tâm điểm

- Lợi nhuận thuần Q3/2023 đạt 141 tỷ đồng (giảm 26,6%), sát với dự báo của chúng tôi. Lợi nhuận tài chính tăng bù đắp cho sự sụt giảm của tỷ suất lợi nhuận HĐKD. Lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2023 đạt 580 tỷ đồng (tăng 39,6%), bằng 62,2% dự báo cả năm 2023 của chúng tôi.
- Đại dự án Lô B sẽ khởi công trong tháng 11/2023 với giai đoạn thượng nguồn đầu tiên có tổng giá trị hợp đồng dành cho PVS là 500 triệu USD.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 50.000đ đối với PVS, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ E&P hàng đầu Việt Nam.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2023

PVS công bố KQKD Q3/2023 không thực sự tích cực với lợi nhuận HĐKD thấp hơn đáng kể so với dự báo, lợi nhuận thuần đạt 141 tỷ đồng (giảm 26,6% so với cùng kỳ) sát với dự báo trong khi doanh thu thuần đạt 4.176 tỷ đồng (tăng 19,2% so với cùng kỳ).

Tỷ suất lợi nhuận HĐKD Q3/2023 là âm 2,5%, so với dự báo của chúng tôi là 2,6%, chủ yếu do chi phí quản lý chung cao hơn dự kiến (do tăng chi phí thuê ngoài). Trái lại, lợi nhuận tài chính đạt 175 tỷ đồng (tăng 50,5% so với cùng kỳ), vượt đáng kể dự báo của chúng tôi nhờ lãi tiền gửi, cho vay/lãi tỷ giá tăng mạnh.

PVS cũng hoàn tất quá trình thanh lý hợp đồng đối với FPSO Lam Sơn và ghi nhận lỗ 20 tỷ đồng trong Q4/2023. Loại bỏ các khoản mục tỷ giá và dự phòng, lợi nhuận thuần điều chỉnh Q3/2023 đạt 165 tỷ đồng, giảm 3,9% so với cùng kỳ.

Nhìn chung, lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2023 đạt 580 tỷ đồng (tăng 39,6% so với cùng kỳ), bằng 62,2% dự báo cả năm 2023 của chúng tôi. Chúng tôi tin rằng KQKD Q4/2023 sẽ tích cực hơn nhờ HĐKD cốt lõi cải thiện và hoàn nhập chi phí bảo hành cho các dự án cũ.

Đại dự án Lô B khởi công vào tháng 11/2023

Đại dự án dầu khí Lô B sẽ khởi công xây dựng tháng 11/2023 với giai đoạn thượng nguồn đầu tiên có hợp đồng trị giá 500 triệu USD dành cho PVS. Tổng giá trị hợp đồng tiềm năng cho PVS từ dự án Lô B có thể đạt 2,5 tỷ USD (từ cả thượng nguồn và trung nguồn).

HSC duy trì quan điểm đại dự án Lô B (với tổng giá trị đầu tư 11,6 tỷ USD) sẽ đem lại lợi nhuận đáng kể cho toàn bộ doanh nghiệp thượng nguồn trong ngành dầu khí Việt Nam, đồng thời là động lực hỗ trợ giá cổ phiếu.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 50.000đ

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 50.000đ. Diễn biến giá cổ phiếu PVS sẽ phụ thuộc vào tiến triển của dự án Lô B và thông tin tích cực từ dự án Cá Voi Xanh. Ngoài ra, việc PVS tham gia vào lĩnh vực năng lượng tái tạo cũng là diễn biến tích cực đối với lợi nhuận và dòng tiền trong dài hạn.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2023 và 9 tháng đầu năm 2023, PVS

Tỷ đồng	Q3/23	% so với cùng kỳ	9T23	% so với cùng kỳ	% đạt dự báo HSC
Doanh thu thuần	4,176	19.2%	12,591	13.6%	72.0%
Lợi nhuận gộp	181	-10.4%	572	6.2%	65.1%
Lợi nhuận HĐ	(103)	-862.8%	(151)	-18.0%	-80.4%
Lãi (lỗ) tài chính ròng	175	50.5%	412	39.8%	118.6%
TN từ LD, LK	178	10.8%	512	3.2%	75.6%
Lợi nhuận khác	(22)	-368.9%	13	-81.0%	17.4%
Lợi nhuận thuần	141	-26.6%	580	39.6%	62.2%
Lợi nhuận thuần điều chỉnh	165	-3.9%	637	74.3%	64.7%

Nguồn: PVS, HSC

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp Q3/2023 và 9 tháng đầu năm 2023, PVS

Tỷ đồng	Q3/23	% so với cùng kỳ	9T23	% so với cùng kỳ	% đạt dự báo HSC
Doanh thu thuần	**4,176**	**19.2%**	**12,591**	**13.6%**	**72.0%**
OSV	398	-16.7%	1,125	-6.5%	69.4%
FPSO/FSO	527	9.6%	1,497	8.5%	76.1%
Khảo sát địa chấn	152	-18.4%	219	-49.5%	47.8%
Cảng	313	-0.8%	975	-3.6%	70.4%
EPCI	2,119	8.5%	7,085	23.4%	71.7%
O&M	478	152.3%	1,222	15.9%	74.6%
Khác	188	-286.2%	467	80.4%	86.5%
Lợi nhuận gộp	**181**	**-10.4%**	**572**	**6.2%**	**65.1%**
OSV	40	-31.2%	122	19.7%	66.3%
FPSO/FSO	0	-99.6%	59	-47.7%	49.3%
Khảo sát địa chấn	31	-0.4%	27	-6.5%	-289.6%
Cảng	95	21.5%	213	-10.3%	85.6%
EPCI	(12)	N/m	87	224.5%	34.0%
O&M	15	N/m	45	475.3%	68.4%
Khác	13	N/m	18	-18.7%	166.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	**4.3%**		**4.5%**		
OSV	10.0%		10.9%		
FPSO/FSO	0.0%		4.0%		
Khảo sát địa chấn	20.2%		12.1%		
Cảng	30.2%		21.9%		
EPCI	-0.6%		1.2%		
O&M	3.1%		3.7%		
Khác	6.8%		3.8%		

Nguồn: PVS, HSC

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HĐKD (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Doanh thu	14,198	16,373	17,492	31,091	44,734
Lợi nhuận gộp	776	915	879	1,800	2,570
Chi phí BH&QL	(802)	(907)	(691)	(1,259)	(1,812)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	**(26.3)**	**7.37**	**188**	**540**	**758**
Lãi vay thuần	183	326	347	411	604
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	507	657	677	701	722
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	214	183	71.7	124	179
LNTT	**878**	**1,174**	**1,284**	**1,777**	**2,263**
Chi phí thuế TNDN	(200)	(229)	(293)	(405)	(516)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(76.1)	(60.8)	(59.5)	(82.3)	(105)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	**601**	**884**	**932**	**1,289**	**1,642**
Lợi nhuận thuần ĐC	**601**	**884**	**932**	**1,289**	**1,642**
EBITDA ĐC	**269**	**525**	**830**	**1,417**	**1,583**
EPS (đồng)	1,258	1,849	1,949	2,698	3,436
EPS ĐC (đồng)	1,258	1,849	1,949	2,698	3,436
DPS (đồng)	1,159	1,000	1,500	2,000	2,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	478	478	478	478	478
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	478	478	478	478	478
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	478	478	478	478	478

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
EBIT	(26.3)	7.37	188	540	758
Khấu hao	(295)	(518)	(642)	(877)	(825)
Lãi vay thuần	183	326	347	411	604
Thuế TNDN đã nộp	(55.8)	(414)	(36.6)	125	16.1
Thay đổi vốn lưu động	60.4	1,097	55.2	(585)	641
Khác	(366)	341	(41.6)	(265)	(264)
LCT thuần từ HĐKD	**(138)**	**1,498**	**752**	**637**	**1,910**
Đầu tư TS dài hạn	(295)	(518)	(642)	(877)	(825)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	1,457	(1,210)	3,303	(1,431)	(1,339)
LCT thuần từ HĐĐT	**1,162**	**(1,727)**	**2,661**	**(2,307)**	**(2,164)**
Cổ tức trả cho CSH	(554)	(430)	(478)	(717)	(717)
Thu từ phát hành CP	313	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	870	(702)	0	0	300
Khác	(1,117)	834	(1,784)	483	569
LCT thuần từ HĐTC	**(489)**	**(298)**	**(2,262)**	**(234)**	**152**
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,212	5,747	5,219	6,371	4,467
LCT thuần trong kỳ	**535**	**(528)**	**1,151**	**(1,904)**	**(103)**
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	**5,747**	**5,219**	**6,371**	**4,467**	**4,364**
Dòng tiền tự do	**(433)**	**980**	**110**	**(239)**	**1,085**

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tiền & tương đương tiền	5,747	5,219	6,371	4,467	4,364
Đầu tư ngắn hạn	2,677	4,837	2,624	4,664	6,710
Phải thu khách hàng	4,642	5,043	5,422	9,638	13,867
Hàng tồn kho	2,086	1,012	1,050	1,865	2,684
Các tài sản ngắn hạn khác	226	276	262	466	671
Tổng tài sản ngắn hạn	**15,378**	**16,388**	**15,729**	**21,101**	**28,297**
TSCĐ hữu hình	2,982	3,040	2,911	2,822	3,115
TSCĐ vô hình	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	174	169	166	162	159
Đầu tư dài hạn	184	172	335	617	585
Đầu tư vào Cty LD,LK	4,824	4,901	5,048	5,199	5,355
Tài sản dài hạn khác	1,303	1,157	1,189	2,114	3,042
Tổng tài sản dài hạn	**9,467**	**9,439**	**9,649**	**10,915**	**12,256**
Tổng cộng tài sản	**24,845**	**25,828**	**25,378**	**32,015**	**40,553**
Nợ ngắn hạn	711	752	752	752	752
Phả trả người bán	4,282	5,301	5,597	9,949	14,315
Nợ ngắn hạn khác	3,336	2,833	2,974	3,109	4,473
Tổng nợ ngắn hạn	**8,735**	**9,199**	**9,673**	**14,432**	**20,435**
Nợ dài hạn	1,367	624	624	624	924
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1,088	764	1,207	2,145	3,087
Nợ dài hạn khác	1,120	2,292	472	839	1,208
Tổng nợ dài hạn	**3,575**	**3,680**	**2,303**	**3,609**	**5,218**
Tổng nợ phải trả	**12,311**	**12,879**	**11,976**	**18,041**	**25,653**
Vốn chủ sở hữu	11,806	12,219	12,672	13,245	14,170
Lợi ích cổ đông thiểu số	728	730	730	730	730
Tổng vốn chủ sở hữu	**12,534**	**12,949**	**13,402**	**13,975**	**14,900**
Tổng nợ phải trả và VCSH	**24,845**	**25,828**	**25,378**	**32,015**	**40,553**
BVPS (đ)	24,701	25,564	26,513	27,710	29,646
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(3,669)	(3,843)	(4,995)	(3,091)	(2,688)

Các chỉ số tài chính	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	5.46	5.59	5.02	5.79	5.74
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	1.89	3.21	4.75	4.56	3.54
Tỷ suất LNT (%)	4.23	5.40	5.33	4.15	3.67
Thuế TNDN hiện hành (%)	22.8	19.5	22.8	22.8	22.8
Tăng trưởng doanh thu (%)	(29.6)	15.3	6.84	77.7	43.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(31.9)	95.5	58.1	70.7	11.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(3.66)	47.0	5.42	38.4	27.3
Tăng trưởng EPS (%)	(3.66)	47.0	5.42	38.4	27.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(3.66)	47.0	5.42	38.4	27.3
Tăng trưởng DPS (%)	5.29	(13.7)	50.0	33.3	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	92.2	54.1	77.0	74.1	58.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	5.02	7.36	7.49	9.95	12.0
ROACE (%)	(0.16)	0.04	1.16	3.25	4.02
Vòng quay tài sản (lần)	0.56	0.65	0.68	1.08	1.23
Tiềm mặt HĐ/EBIT (lần)	5.25	203	4.01	1.18	2.52
Số ngày tồn kho	56.7	23.9	23.1	23.2	23.2
Số ngày phải thu	126	119	119	120	120
Số ngày phải trả	116	125	123	124	124
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(29.5)	(30.6)	(38.7)	(22.2)	(17.4)
Nợ/tài sản (%)	9.11	5.71	5.77	4.78	4.68
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	8.42	2.81	1.76	1.08	1.20
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.76	1.78	1.63	1.46	1.38
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.99	0.85	0.73	0.47	0.34
EV/EBITDA ĐC (lần)	52.4	26.4	15.3	10.3	9.50
P/E (lần)	29.5	20.1	19.0	13.8	10.8
P/E ĐC (lần)	29.5	20.1	19.0	13.8	10.8
P/B (lần)	1.50	1.45	1.40	1.34	1.25
Lợi suất cổ tức (%)	3.12	2.70	4.04	5.39	5.39

*Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.*
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH
Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)